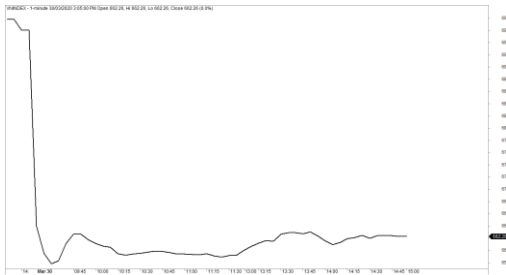


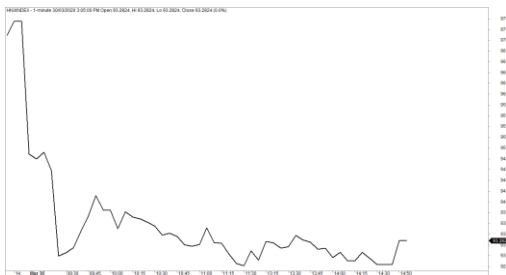
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	662.26	93.28	47.63
% ngày	-4.86%	-4.18%	-2.44%
% tuần	-0.65%	-3.30%	0.13%
% tháng	-24.93%	-14.87%	-13.48%
% năm	-32.47%	-13.18%	-17.17%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,351	430	200
TB 1 tuần	4,043	463	229
TB 1 tháng	4,323	697	280
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	541.81	2.76	10.41
Bán	697.52	10.86	15.25
Giá trị ròng	-155.71	-8.10	-4.84
Độ rộng TT			
Mã Tăng	41	30	134
Mã Giảm	295	125	135
Không Đổi	56	218	634
Chỉ số chính			
P/E	10.80	8.33	12.47
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,430	186	699
LS Cổ tức	3.52%	6.46%	5.34%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau 2 phiên lưỡng lự tại ngưỡng 700 điểm, chỉ số VN-Index đã suy yếu trở lại khi tâm lý thị trường vẫn thận trọng trước diễn biến dịch bệnh. Chỉ số đóng cửa giảm 4.86% dừng tại 662.26 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng đồng thuận giảm 4.18% đóng cửa tại 93.28 điểm, Upcom-Index cũng giảm 2.44%. Điểm tích cực là giá trị giao dịch khớp lệnh tiếp tục sụt giảm khi đạt hơn 2,870 tỷ đồng toàn thị trường mặc cho biến động giảm giá mạnh trong phiên hôm nay.

Nhóm Tài Chính tiếp tục bị bán mạnh khi MBB, VPB, CTG, TCB, SSI giảm hết biên độ. Sau nhịp hồi phục T+3, nhóm cổ phiếu Vingroup cũng chịu áp lực chốt lời ngắn hạn khi VHM(-7%), VRE(-6.9%), VIC(-6.2%) quay đầu giảm nhưng khối lượng không gia tăng mạnh trong phiên sụt giảm hôm nay. HPG gây chú ý khi đi ngược thị trường khi đảo chiều tăng 0.9% sau khi tiệm cận ngưỡng 15,000 đồng/cp. DBC tăng trần đóng cửa tại 18,850 đồng/cp.

Khối ngoại bán ròng với 168 tỷ đồng toàn thị trường. SVC(84.8 tỷ), MSN(35.1 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, VNM(17.8 tỷ), HPG(17.8 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục kiểm định lại vùng đáy cũ 652 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tiêu cực cho thấy xu hướng giảm vẫn có khả năng mở rộng ở các vùng giá thấp hơn. Tuy nhiên, vùng 600 – 640 điểm được xem là vùng hỗ trợ mạnh của chỉ số VN-Index.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 710.09 điểm của chỉ số VN-Index và 101.80 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục đứng ngoài thị trường và hạn chế bắt đáy trong ngắn hạn hoặc chờ đợi phiên kiểm định lại vùng đáy ngắn hạn.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 12% cổ phiếu/88% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

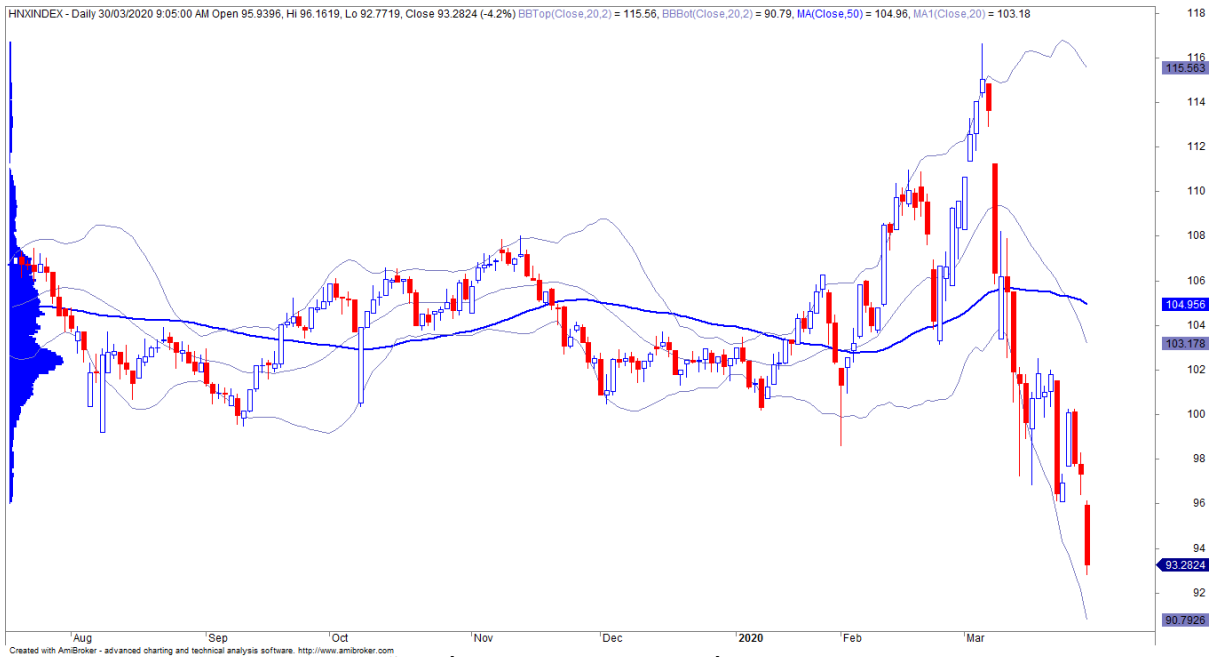


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	9.70	GIẢM	GIẢM		11.14				12.73		
ACB	18.20	GIẢM	GIẢM		22.19				25.71		
ACV	42.60	GIẢM	GIẢM		51.33				65.25		
ANV	13.45	GIẢM	GIẢM		15.76				18.94		
ASM	3.67	GIẢM	GIẢM		4.62				6.00		
BFC	9.99	GIẢM	GIẢM		11.25			12.25	10.54	-13.95%	BÁN
BID	30.90	GIẢM	GIẢM		35.58				41.74		
BMP	34.35	GIẢM	GIẢM		36.50				42.27		
BSR	4.90	GIẢM	GIẢM		6.42				8.34		
BVH	36.00	TĂNG	GIẢM	39.50	34.46	-8.86%			47.54		
BWE	16.45	GIẢM	GIẢM		19.06				21.73		
CEO	6.00	GIẢM	GIẢM		7.01				8.32		
CII	18.00	GIẢM	GIẢM		20.77				23.64		
CMG	23.00	GIẢM	GIẢM		24.25				28.95		
CMX	10.35	GIẢM	TĂNG		11.47			13.50	9.24	-23.33%	
CSM	13.60	GIẢM	TĂNG		14.58			12.25	13.53	11.02%	
CTD	48.30	GIẢM	GIẢM		58.06				67.70		
CTG	17.70	GIẢM	GIẢM		20.65				24.83		
CTR	27.20	GIẢM	GIẢM		33.80				43.49		
CVT	14.75	GIẢM	GIẢM		16.12				18.25		
DCM	5.35	GIẢM	GIẢM	5.60	5.51	-1.68%	BÁN		6.22		
DGC	20.20	GIẢM	GIẢM		22.51				25.53		
DGW	17.50	GIẢM	GIẢM		20.69				25.53		
DHA	29.20	GIẢM	GIẢM		29.95				32.52		
DHC	31.00	GIẢM	GIẢM		34.57				41.54		
DHG	78.90	TĂNG	GIẢM	82.50	74.41	-4.36%			95.02		
DIG	10.55	GIẢM	GIẢM		11.60				13.56		
DPG	22.00	GIẢM	GIẢM		26.70				32.83		
DPM	11.40	TĂNG	GIẢM	12.05	10.76	-5.39%			12.75		
DPR	34.65	GIẢM	GIẢM		36.94				39.50		
DQC	16.15	GIẢM	TĂNG		16.23			16.00	12.92	0.94%	
DRC	15.45	GIẢM	GIẢM		18.36				21.53		
DXG	8.33	GIẢM	GIẢM		10.47				13.46		
EIB	15.70	GIẢM	GIẢM		16.80				17.80		



We Create Fortune

FCN	6.79	GIẢM	GIẢM		7.63				8.77		
FMC	16.20	GIẢM	GIẢM		19.32				22.63		
FPT	40.40	GIẢM	GIẢM		47.37				54.91		
GAS	54.60	GIẢM	GIẢM		61.69				70.87		
GEX	13.50	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-7.53%			16.80		
GIL	15.40	TĂNG	GIẢM	17.20	15.09	-10.47%			20.23		
GMD	15.10	GIẢM	GIẢM		16.97				19.16		
GTN	14.00	GIẢM	GIẢM		14.89				17.14		
GVR	8.30	GIẢM	GIẢM		9.88				12.77		
HAG	2.55	GIẢM	GIẢM		2.90				3.58		
HAX	9.88	GIẢM	GIẢM		11.22				13.59		
HBC	6.18	GIẢM	GIẢM		7.74				10.04		
HCM	11.50	GIẢM	GIẢM		14.23				17.06		
HDB	17.25	GIẢM	GIẢM		21.31				25.75		
HDC	15.20	GIẢM	GIẢM		16.68				18.98		
HDG	16.20	GIẢM	GIẢM		19.64				23.56		
HNG	12.20	GIẢM	GIẢM		12.84				13.92		
HPG	16.35	GIẢM	GIẢM		18.19				22.42		
HSG	4.65	GIẢM	GIẢM		5.66				7.39		
HT1	10.50	GIẢM	GIẢM		12.04				13.94		
HUT	1.40	GIẢM	GIẢM		1.85				2.33		
HVN	18.10	GIẢM	GIẢM		20.26				25.28		
KBC	11.05	GIẢM	GIẢM		11.57				13.66		
KDH	18.80	GIẢM	GIẢM		20.74				22.80		
KSB	12.20	GIẢM	GIẢM		14.29				19.39		
LCG	3.96	GIẢM	GIẢM		4.77				6.36		
LDG	4.46	GIẢM	GIẢM		5.73				7.48		
LHG	11.60	GIẢM	GIẢM		12.51				14.04		
LPB	5.60	GIẢM	GIẢM		7.08				8.58		
MBB	13.60	GIẢM	GIẢM		16.27				19.35		
MPC	18.10	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-24.90%	
MSN	49.10	GIẢM	GIẢM		52.20				56.41		
MSR	14.60	TĂNG	GIẢM	15.00	14.16	-2.67%			16.05		
MWG	59.50	GIẢM	GIẢM		73.59				91.41		
NDN	13.00	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
NKG	4.70	GIẢM	GIẢM		5.43				7.69		
NLG	19.70	GIẢM	GIẢM		20.64				25.36		
NT2	16.60	GIẢM	GIẢM		18.00				19.57		
NTL	15.10	TĂNG	GIẢM	17.50	14.59	-13.71%			20.21		

We Create Fortune

NVL	51.90	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.10	GIẢM	GIẢM		6.70				7.68		
PAC	17.50	GIẢM	GIẢM		20.22				23.19		
PC1	10.45	GIẢM	GIẢM		12.13				14.26		
PDR	25.00	GIẢM	GIẢM		25.96			29.00	25.19	-13.13%	BÁN
PHR	34.35	GIẢM	GIẢM		40.60			47.20	38.94	-17.50%	BÁN
PLX	35.80	TĂNG	GIẢM	39.97	35.18	-10.43%			46.58		
PNJ	48.30	GIẢM	GIẢM		57.12				67.87		
POW	7.14	GIẢM	GIẢM		8.63				10.61		
PVT	7.67	GIẢM	GIẢM		8.53				10.72		
PPC	21.00	GIẢM	GIẢM		22.72				26.83		
PTB	32.90	GIẢM	GIẢM		39.31				52.15		
PVB	8.40	GIẢM	GIẢM		10.68				13.29		
PVD	7.22	GIẢM	GIẢM		9.00				11.30		
PVI	27.70	GIẢM	GIẢM		29.43				31.50		
PVS	9.30	GIẢM	GIẢM		11.79				13.92		
PXS	2.66	GIẢM	GIẢM		3.34				4.75		
QNS	22.30	TĂNG	GIẢM	22.60	20.98	-1.33%			25.66		
REE	27.40	GIẢM	GIẢM		30.33				32.65		
SAB	121.10	GIẢM	GIẢM		133.25				164.90		
SAM	9.00	GIẢM	TĂNG		9.63			7.40	8.90	21.62%	
SCR	3.86	TĂNG	GIẢM	4.38	3.81	-11.87%			5.09		
SHI	8.01	GIẢM	GIẢM		8.47				9.06		
SJS	15.15	GIẢM	GIẢM		18.12			17.00	16.65	-2.08%	BÁN
SKG	6.99	GIẢM	GIẢM		8.57				11.00		
SSI	11.50	GIẢM	GIẢM		14.09				16.31		
STB	7.64	GIẢM	GIẢM		9.53				11.83		
TCB	14.90	GIẢM	GIẢM		17.49				20.87		
TCM	11.55	GIẢM	GIẢM		13.52				17.11		
TDH	5.88	GIẢM	GIẢM		6.98				8.43		
TLH	2.59	GIẢM	GIẢM		3.00				3.56		
TNG	8.00	GIẢM	GIẢM		10.73				15.30		
VCB	61.00	GIẢM	GIẢM		64.42				78.00		
VCG	24.60	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	52.10	GIẢM	GIẢM		59.13				69.83		
VGC	13.80	GIẢM	GIẢM		14.80				17.44		
VGT	6.10	GIẢM	GIẢM		7.28				8.92		
VHC	21.10	GIẢM	GIẢM		24.61				30.49		
VHM	55.80	GIẢM	GIẢM		64.11				78.59		

We Create Fortune

VIB	12.70	GIẢM	GIẢM		15.06				17.41		
VIC	81.40	TĂNG	GIẢM	86.80	72.56	-6.22%			98.28		
VIP	3.99	GIẢM	GIẢM		4.40				4.93		
VJC	96.50	GIẢM	GIẢM		104.03				113.29		
VND	11.35	GIẢM	GIẢM		12.44				14.43		
VNG	12.60	GIẢM	GIẢM		12.82				15.42		
VNM	91.20	TĂNG	GIẢM	94.00	85.45	-2.98%			105.54		
VPB	18.20	GIẢM	GIẢM		21.74				25.42		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		41.91			41.30	40.58	-0.73%	
VRC	4.65	GIẢM	GIẢM		6.17				9.04		
VRE	19.00	GIẢM	GIẢM		20.43				27.26		
VSC	20.30	GIẢM	GIẢM		21.46				24.04		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	18.20	GIẢM	GIẢM		22.19				25.71		
BID	30.90	GIẢM	GIẢM		35.58				41.74		
BSR	4.90	GIẢM	GIẢM		6.42				8.34		
BVH	36.00	TĂNG	GIẢM	39.50	34.46	-8.86%			47.54		
CTG	17.70	GIẢM	GIẢM		20.65				24.83		
FPT	40.40	GIẢM	GIẢM		47.37				54.91		
GAS	54.60	GIẢM	GIẢM		61.69				70.87		
GEX	13.50	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-7.53%			16.80		
GVR	8.30	GIẢM	GIẢM		9.88				12.77		
HDB	17.25	GIẢM	GIẢM		21.31				25.75		
HNG	12.20	GIẢM	GIẢM		12.84				13.92		
HPG	16.35	GIẢM	GIẢM		18.19				22.42		
HVN	18.10	GIẢM	GIẢM		20.26				25.28		
KDH	18.80	GIẢM	GIẢM		20.74				22.80		
MBB	13.60	GIẢM	GIẢM		16.27				19.35		
MSN	49.10	GIẢM	GIẢM		52.20				56.41		
MWG	59.50	GIẢM	GIẢM		73.59				91.41		
NVL	51.90	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.10	GIẢM	GIẢM		6.70				7.68		
PLX	35.80	TĂNG	GIẢM	39.97	35.18	-10.43%			46.58		
PNJ	48.30	GIẢM	GIẢM		57.12				67.87		

We Create Fortune

POW	7.14	GIẢM	GIẢM		8.63				10.61		
QNS	22.30	TĂNG	GIẢM	22.60	20.98	-1.33%			25.66		
REE	27.40	GIẢM	GIẢM		30.33				32.65		
ROS	3.50	GIẢM	GIẢM		4.83				8.98		
SBT	12.95	GIẢM	GIẢM		13.91				17.56		
SSI	11.50	GIẢM	GIẢM		14.09				16.31		
STB	7.64	GIẢM	GIẢM		9.53				11.83		
TCB	14.90	GIẢM	GIẢM		17.49				20.87		
TPB	18.40	GIẢM	GIẢM		21.94				23.94		
VCB	61.00	GIẢM	GIẢM		64.42				78.00		
VCG	24.60	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	52.10	GIẢM	GIẢM		59.13				69.83		
VEA	28.20	GIẢM	GIẢM		32.06				59.45		
VGI	19.30	GIẢM	GIẢM		23.33				28.07		
VHM	55.80	GIẢM	GIẢM		64.11				78.59		
VIB	12.70	GIẢM	GIẢM		15.06				17.41		
VIC	81.40	TĂNG	GIẢM	86.80	72.56	-6.22%			98.28		
VJC	96.50	GIẢM	GIẢM		104.03				113.29		
VNM	91.20	TĂNG	GIẢM	94.00	85.45	-2.98%			105.54		
VPB	18.20	GIẢM	GIẢM		21.74				25.42		
VRE	19.00	GIẢM	GIẢM		20.43				27.26		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	9.70	GIẢM	GIẢM		11.14				12.73		
ANV	13.45	GIẢM	GIẢM		15.76				18.94		
ASM	3.67	GIẢM	GIẢM		4.62				6.00		
BMI	15.45	GIẢM	GIẢM		16.78				20.89		
BMP	34.35	GIẢM	GIẢM		36.50				42.27		
BWE	16.45	GIẢM	GIẢM		19.06				21.73		
CEO	6.00	GIẢM	GIẢM		7.01				8.32		
CII	18.00	GIẢM	GIẢM		20.77				23.64		
CRE	15.50	GIẢM	GIẢM		16.90				19.00		
CTI	21.00	TĂNG	GIẢM	22.20	20.69	-5.41%			23.07		
CTR	27.20	GIẢM	GIẢM		33.80				43.49		
D2D	42.30	GIẢM	GIẢM		50.56				62.96		

We Create Fortune

DBD	46.90	TĂNG	GIẢM	48.80	44.63	-3.89%			50.57		
DCM	5.35	GIẢM	GIẢM	5.60	5.51	-1.68%	BÁN		6.22		
DGW	17.50	GIẢM	GIẢM		20.69				25.53		
DHC	31.00	GIẢM	GIẢM		34.57				41.54		
DIG	10.55	GIẢM	GIẢM		11.60				13.56		
DPG	22.00	GIẢM	GIẢM		26.70				32.83		
DPM	11.40	TĂNG	GIẢM	12.05	10.76	-5.39%			12.75		
DRC	15.45	GIẢM	GIẢM		18.36				21.53		
DXG	8.33	GIẢM	GIẢM		10.47				13.46		
E1VFN30	10.10	GIẢM	GIẢM		11.52				13.19		
FCN	6.79	GIẢM	GIẢM		7.63				8.77		
FLC	2.66	GIẢM	GIẢM		3.42				4.46		
GEG	20.00	GIẢM	GIẢM		20.66				24.24		
GMD	15.10	GIẢM	GIẢM		16.97				19.16		
GTN	14.00	GIẢM	GIẢM		14.89				17.14		
HAG	2.55	GIẢM	GIẢM		2.90				3.58		
HBC	6.18	GIẢM	GIẢM		7.74				10.04		
HCM	11.50	GIẢM	GIẢM		14.23				17.06		
HDC	15.20	GIẢM	GIẢM		16.68				18.98		
HDG	16.20	GIẢM	GIẢM		19.64				23.56		
HPX	28.45	TĂNG	#N/A	27.75	26.25	2.52%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	4.65	GIẢM	GIẢM		5.66				7.39		
HT1	10.50	GIẢM	GIẢM		12.04				13.94		
HTM	10.20	GIẢM	GIẢM		13.01				17.41		
IBC	21.75	TĂNG	TĂNG	20.80	20.61	4.57%		21.75	21.22	0.00%	MUA
IDI	3.06	GIẢM	GIẢM		3.77				4.64		
IJC	8.19	GIẢM	GIẢM		9.64				12.21		
ITA	1.83	GIẢM	GIẢM		2.18				2.48		
KBC	11.05	GIẢM	GIẢM		11.57				13.66		
KDC	15.35	GIẢM	GIẢM		16.73				18.22		
KOS	27.10	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	3.04%	
KSB	12.20	GIẢM	GIẢM		14.29				19.39		
LDG	4.46	GIẢM	GIẢM		5.73				7.48		
LPB	5.60	GIẢM	GIẢM		7.08				8.58		
MBG	4.90	GIẢM	GIẢM		8.40				20.95		
MBS	8.40	GIẢM	GIẢM		9.42				10.98		
MPC	18.10	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-24.90%	
NBB	19.80	TĂNG	GIẢM	20.05	18.41	-1.25%			21.34		



We Create Fortune

NKG	4.70	GIẢM	GIẢM		5.43			7.69		
NLG	19.70	GIẢM	GIẢM		20.64			25.36		
NT2	16.60	GIẢM	GIẢM		18.00			19.57		
NTL	15.10	TĂNG	GIẢM	17.00	14.59	-11.18%		20.21		
NVB	8.30	GIẢM	GIẢM		9.08			9.67		
OGC	2.40	GIẢM	GIẢM		2.88			3.50		
PC1	10.45	GIẢM	GIẢM		12.13			14.26		
PDR	25.00	GIẢM	GIẢM		25.96		23.59	25.19	6.76%	BÁN
PHR	34.35	GIẢM	GIẢM		40.60		47.20	38.94	-17.50%	BÁN
PPC	21.00	GIẢM	GIẢM		22.72			26.83		
PTB	32.90	GIẢM	GIẢM		39.31			52.15		
PVD	7.22	GIẢM	GIẢM		9.00			11.30		
PVI	27.70	GIẢM	GIẢM		29.43			31.50		
PVS	9.30	GIẢM	GIẢM		11.79			13.92		
PVT	7.67	GIẢM	GIẢM		8.53			10.72		
QCG	5.74	GIẢM	GIẢM		7.20		4.28	8.28	93.35%	BÁN
SCR	3.86	TĂNG	GIẢM	4.25	3.81	-9.18%		5.09		
SGP	5.10	GIẢM	GIẢM		5.62			6.86		
SHB	11.90	TĂNG	TĂNG	12.70	11.09	-6.30%	7.10	9.06	67.61%	
SHS	5.60	GIẢM	GIẢM		7.11			8.27		
SZC	12.65	GIẢM	GIẢM		15.35			18.01		
TCH	16.75	GIẢM	GIẢM		20.96			30.14		
TCM	11.55	GIẢM	GIẢM		13.52			17.11		
TDH	5.88	GIẢM	GIẢM		6.98			8.43		
TNG	8.00	GIẢM	GIẢM		10.73			15.30		
TTB	2.33	GIẢM	GIẢM		2.92			4.53		
VGC	13.80	GIẢM	GIẢM		14.80			17.44		
VGT	6.10	GIẢM	GIẢM		7.28			8.92		
VHC	21.10	GIẢM	GIẢM		24.61			30.49		
VND	11.35	GIẢM	GIẢM		12.44			14.43		
VNG	12.60	GIẢM	GIẢM		12.82			15.42		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		41.91		41.30	40.58	-0.73%	

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	4.90	TĂNG	GIẢM	5.00	4.34	-2.00%			6.04		
AGR	2.34	GIẢM	GIẢM		2.77				3.40		
AMD	2.94	GIẢM	GIẢM		3.70			3.06	4.01	30.94%	BÁN
APG	8.00	GIẢM	GIẢM		8.89				10.24		
ART	2.10	GIẢM	GIẢM		2.83			2.30	2.29	-0.40%	
BCG	4.50	GIẢM	GIẢM		5.51				6.87		
C4G	3.60	GIẢM	GIẢM		4.80				6.04		
C69	4.20	GIẢM	GIẢM		5.62				8.72		
CCL	3.98	GIẢM	GIẢM		5.00				6.82		
CVT	14.75	GIẢM	GIẢM		16.12				18.25		
DAH	9.00	TĂNG	GIẢM	9.26	7.48	-2.81%			10.18		
DLG	1.48	GIẢM	GIẢM		1.91				2.21		
DRH	3.27	GIẢM	GIẢM		4.46				6.29		
DTD	9.30	GIẢM	GIẢM		10.70				12.73		
EVG	2.20	GIẢM	GIẢM		2.53				2.73		
FIT	4.98	GIẢM	GIẢM		6.46				8.27		
FTM	1.32	GIẢM	GIẢM		1.68				2.60		
FUES SV50	8.86	GIẢM	GIẢM		9.96				11.40		
GKM	15.30	GIẢM	TĂNG		15.66			14.90	14.87	2.68%	
HAH	8.40	GIẢM	GIẢM		9.27				10.61		
HAI	2.77	GIẢM	GIẢM		3.55			3.34	3.52	5.25%	BÁN
HAR	2.33	GIẢM	GIẢM		2.87				3.80		
HDA	6.70	GIẢM	GIẢM		7.14				8.14		
HHP	13.20	TĂNG	TĂNG	13.80	12.49	-4.35%		13.20	11.66	0.00%	
HHS	3.04	GIẢM	GIẢM		3.90				4.83		
HID	1.98	GIẢM	GIẢM		2.52			2.63	2.35	-10.73%	BÁN
HII	12.75	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	15.91%	
HQC	0.95	GIẢM	GIẢM		1.19			1.15	1.04	-9.96%	BÁN
HSL	3.63	GIẢM	GIẢM		4.83				5.94		
HUT	1.40	GIẢM	GIẢM		1.85				2.33		
HVG	5.26	GIẢM	GIẢM		5.49				7.45		
HVH	7.01	GIẢM	GIẢM		8.72				11.65		
IDJ	15.50	GIẢM	GIẢM		18.76				19.86		



We Create Fortune

JVC	2.22	GIẢM	GIẢM		2.76			3.79		
KLF	1.50	GIẢM	TĂNG		1.96		1.50	1.44	0.00%	
LCG	3.96	GIẢM	GIẢM		4.77			6.36		
LGL	4.19	GIẢM	GIẢM		5.16			6.10		
LHG	11.60	GIẢM	GIẢM		12.51			14.04		
LMH	1.15	GIẢM	GIẢM		1.53			3.18		
MST	3.70	GIẢM	GIẢM		4.61			6.21		
NDN	13.00	GIẢM	GIẢM		14.93			16.36		
PHC	9.80	GIẢM	GIẢM		10.41			11.05		
PLP	6.35	GIẢM	GIẢM		7.80			10.50		
PVB	8.40	GIẢM	GIẢM		10.68			13.29		
PVC	4.00	GIẢM	GIẢM		4.99			5.94		
PVX	0.70	GIẢM	GIẢM		0.98			1.20		
PXL	7.50	TĂNG	TĂNG	8.10	7.37	-7.41%	6.70	6.88	11.94%	
SHI	8.01	GIẢM	GIẢM		8.47			9.06		
SJF	1.17	GIẢM	GIẢM		1.41			1.87		
SPP	1.00	GIẢM	GIẢM		1.36			1.85		
TDC	6.21	GIẢM	GIẢM		7.37			8.27		
TIG	4.80	TĂNG	GIẢM	5.30	4.39	-9.43%		7.27		
TLH	2.59	GIẢM	GIẢM		3.00			3.56		
TNA	13.55	GIẢM	GIẢM		15.52			19.53		
TNI	10.00	GIẢM	GIẢM	10.50	10.06	-4.17%	BÁN	10.85		
TSC	1.92	GIẢM	GIẢM		2.36			2.78		
TTF	1.86	GIẢM	GIẢM		2.38		2.85	2.40	-15.81%	BÁN
TTH	1.70	GIẢM	GIẢM		2.16			2.64		
TVC	28.20	GIẢM	TĂNG		29.26		14.30	26.65	97.20%	
VC3	15.70	TĂNG	GIẢM	15.80	15.22	-0.63%		16.61		
VCR	7.60	GIẢM	GIẢM		9.58		12.90	7.61	-41.02%	
VNA	1.80	GIẢM	GIẢM		2.44			3.26		
VNE	3.35	GIẢM	GIẢM		3.60			4.14		
VRC	4.65	GIẢM	GIẢM		6.17			9.04		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	662.26	-4.86%	HNI	93.28	-4.18%	UPCoM	47.63	-2.44%
VN30	613.02	-4.55%	HN30	168.92	-3.78%			
VN Mid	669.23	-3.49%	VNX	594.38	-4.49%			
VN Small	578.2	-3.88%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	541.81		Mua	2.76		Mua	10.41	
Bán	697.52		Bán	10.86		Bán	15.25	
GT ròng	-155.71		GT ròng	-8.10		GT ròng	-4.84	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	340	6.91%	TVC	300	1.08%	VLC	900	5.59%
DBC	1200	6.80%	NVB	0	0.00%	TBD	5800	5.31%
ABS	1400	6.78%	PVI	0	0.00%	BOT	-200	-0.36%
HPX	650	2.34%	VCG	0	0.00%	HND	-200	-1.43%
HPG	150	0.93%	VCS	-400	-0.76%	QNS	-400	-1.76%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HSG	-350	-7.00%	SHS	-600	-9.68%	BSR	-600	-10.91%
VHM	-4200	-7.00%	PVS	-900	-8.82%	LPB	-500	-8.20%
SZC	-950	-6.99%	TNG	-700	-8.05%	VEA	-2500	-8.14%
PVD	-540	-6.96%	ACB	-1500	-7.61%	VIB	-1100	-7.97%
STB	-570	-6.94%	TAR	-2200	-6.63%	CTR	-2300	-7.80%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	293,595		ACB	32,633		ACV	97,647	
VCB	237,739		SHB	21,766		VEA	40,810	
VHM	197,371		VCG	10,866		MCH	40,323	
VNM	163,864		VCS	8,400		BCM	18,460	
BID	132,727		PVI	6,402		MVN	17,417	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
STB	16,452,350	13,119,099	ACB	5,935,098	6,324,438	LPB	2,402,873	3,850,547
DLG	11,223,910	8,863,041	SHB	5,845,320	19,358,787	BSR	2,183,015	3,290,567
HPG	11,165,540	9,063,329	PVS	4,145,456	4,408,233	BSA	1,727,276	13,563
GEX	10,140,540	1,341,928	ART	4,073,521	4,054,589	TOP	1,364,600	370,163
HQC	10,052,600	10,181,033	NVB	3,365,654	2,981,553	VIB	900,039	1,499,808

Nguồn: Bloomberg & YSVN

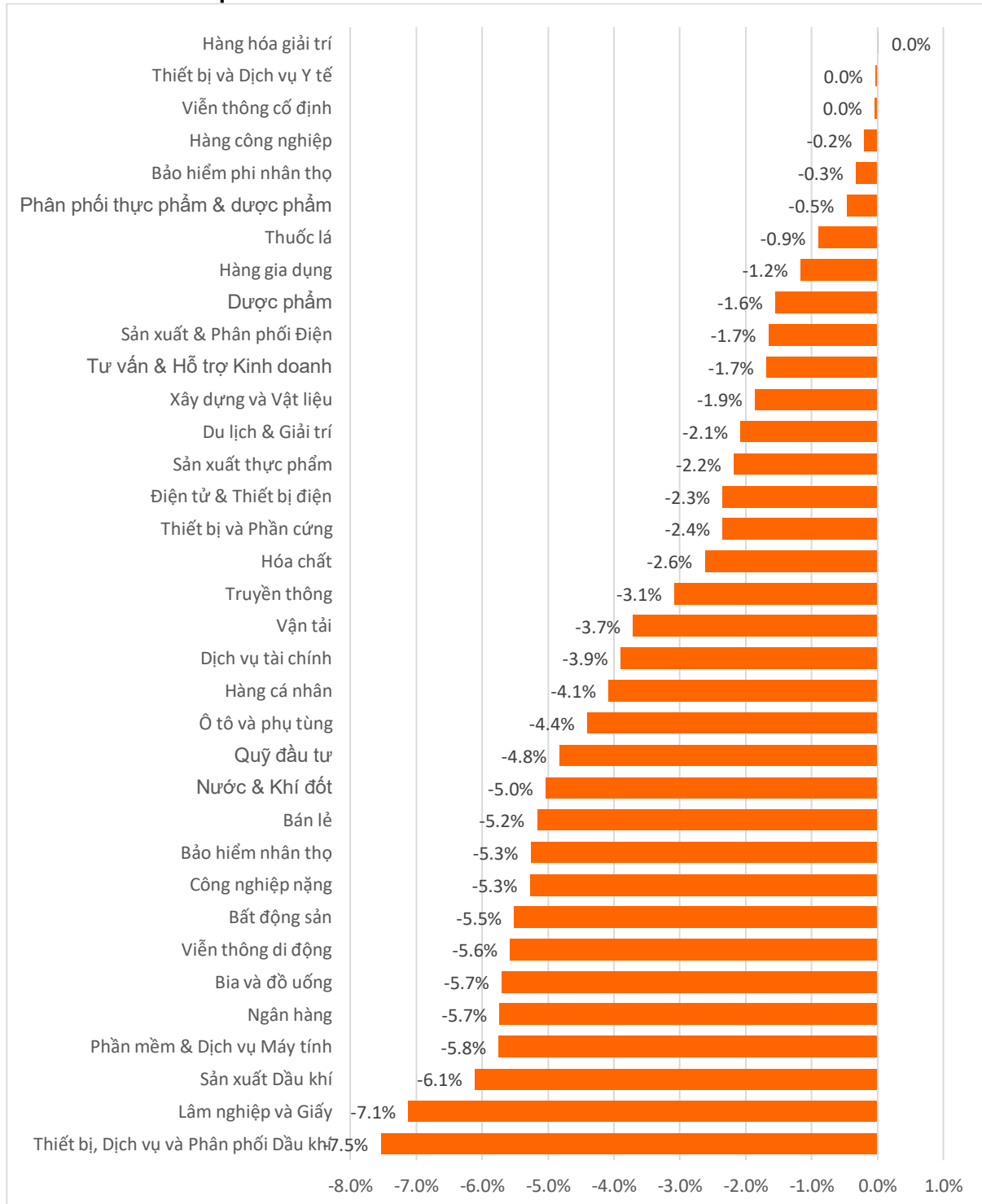
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH

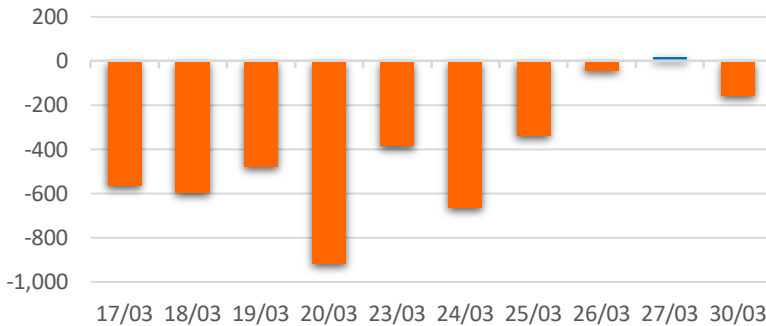


Nguồn: FiinPro – YSVN

We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

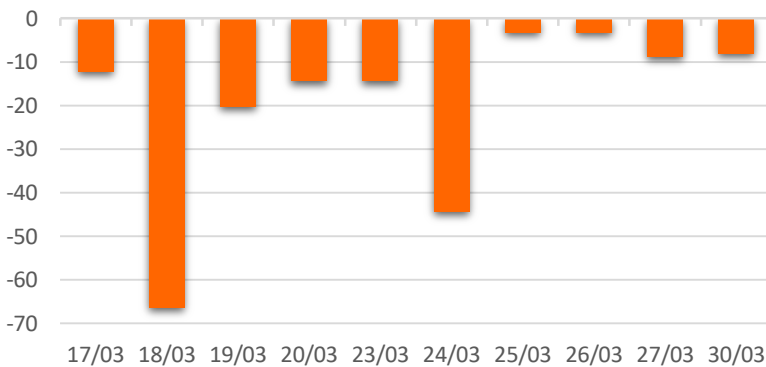
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	17,825	SVC	84,858
HPG	17,801	MSN	35,189
E1VFN30	8,929	VPI	12,363
VIC	6,543	STB	11,328
VRE	2,954	BID	10,753

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

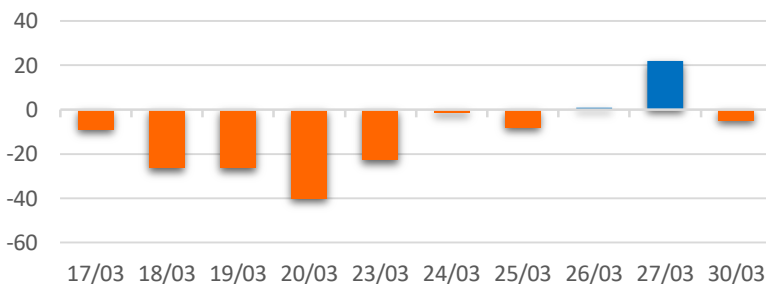
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TIG	660	PVS	6,078
TNG	294	SHB	3,256
CDN	192	DP3	564
BVS	167	HUT	175
VCS	139	PMC	96

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
KDF	163	ACV	2,938
CTR	144	LPB	2,712
MML	116	BSR	1,520
BCM	37	VEA	1,036
DHD	34	VIB	813

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



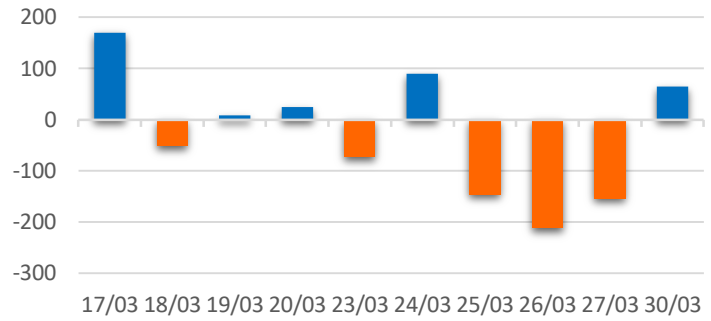
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

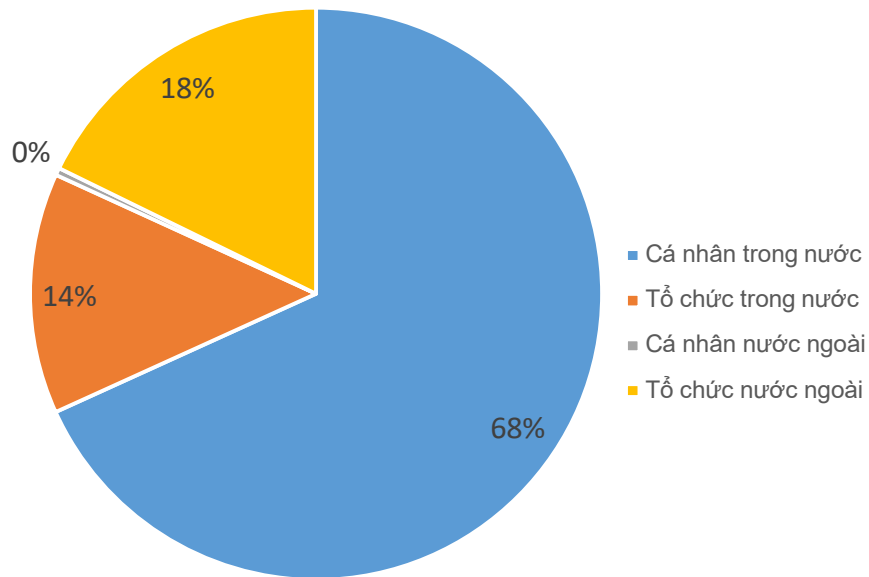
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GEX	101,600	E1VFN30	17,284
MWG	9,106	CTG	9,915
FPT	6,578	HPG	6,653
HPG	3,808	TCB	5,998
KBC	3,242	FPT	4,723

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

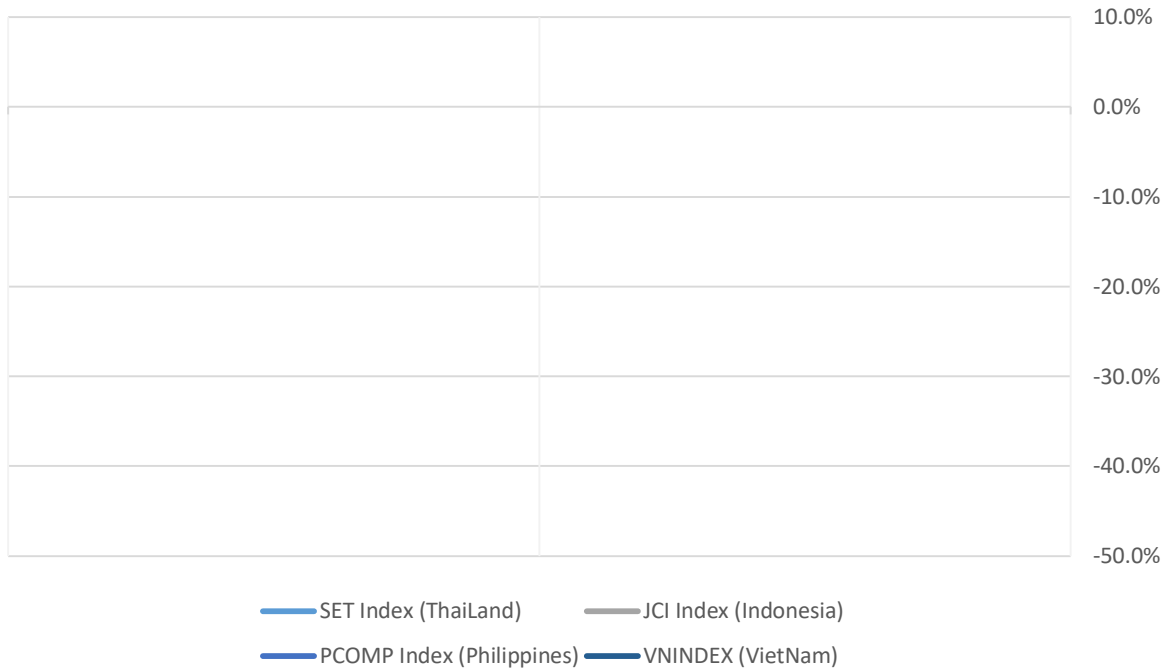


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

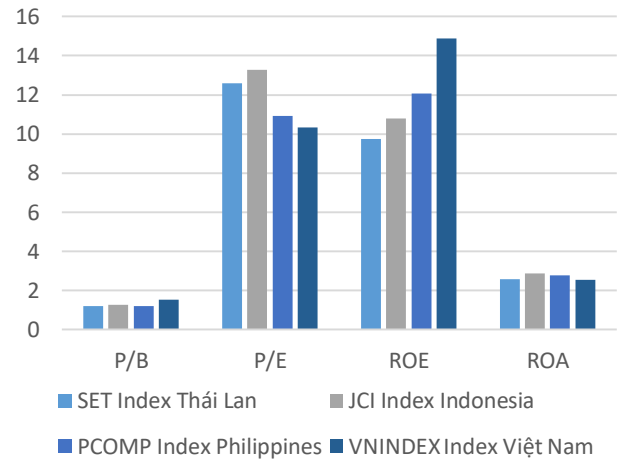
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.2x	1.3x	1.2x	1.5x
P/E		12.6x	13.3x	10.9x	10.3x
ROE	%	9.75	10.80	12.07	14.87
ROA	%	2.58	2.86	2.75	2.53
Vốn hóa	Tỷ USD	361.32	323.39	129.67	102.75
GTGD	Triệu USD	1.85	0.64	0.13	0.12
LS cổ tức	%	4.68	3.61	2.48	2.82

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written